

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 35/2001/QĐ-BCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Luật Khoáng sản và Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản rắn trong điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ và các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản thuộc Bộ Công nghiệp được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí sự nghiệp kinh tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

**Đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản rắn
trong điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản**

**10 m cho tỷ lệ 1:10.000; 2 á 5 m cho tỷ lệ 1:5.000; 1 á 2 m cho tỷ lệ 1:2.000
-1:1.000. Các ký hiệu bản đồ phải sử dụng thống nhất theo quy định hiện hành
của Tổng cục Địa chính.**

Việc định vị các tuyến trục, một số tuyến ngang, các công trình gập khoáng sản, quan hệ địa chất phải thực hiện bằng máy với sai số trung phương vị trí mặt phẳng/độ cao điểm công trình như sau:

Tỷ lệ 1:10.000 10/2,0 m

Tỷ lệ 1:5.000 5/1,5 m

Tỷ lệ 1:2.000 -1:1.000 2,5/1,0 m

Sau đó phải cố định lâu dài bằng mốc xi măng các điểm đầu tuyến trục, một số điểm giao nhau của tuyến trục với tuyến ngang.

7. Xác định trữ lượng cấp C_2 cho các thân khoáng sản theo một số phương án chỉ tiêu tính trữ lượng. Các chỉ tiêu để xác định trữ lượng được xây dựng trên cơ sở so sánh với các mỏ khoáng đã thăm dò hoặc đang khai thác có quy mô, chất lượng, điều kiện khai thác, chế biến khoáng sản tương tự. Các hệ thống chỉ tiêu để xác định trữ lượng cấp C_2 phải được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản làm cơ sở khoan nổ mìn thân khoáng sản theo các chỉ tiêu cho phép và theo các đặc điểm địa chất, hình thái của chúng. Việc xác định trữ lượng phải được tính bằng một số phương pháp khác nhau để so sánh, đánh giá độ tin cậy. Đối với khoáng sản có ích đi kèm, tùy thuộc mức độ biến đổi so với khoáng sản chính và hàm lượng của chúng, có thể xác định trữ lượng và tài nguyên dự báo cùng cấp hoặc giảm một cấp.

Đánh giá tài nguyên dự báo cấp P_1 cho các thân khoáng sản, phần thân khoáng sản chưa được xác định trữ lượng cấp C_2 .

8. Điều tra để đánh giá khái quát điều kiện địa chất thủy văn - địa chất công trình trên diện tích phân bố các thân khoáng sản theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này.

9. Đánh giá sơ bộ khả năng kinh tế của tài nguyên khoáng sản đã xác định trên cơ sở: nhu cầu của xã hội, thị trường trong nước và khu vực; cơ sở hạ tầng, tài nguyên dự báo, chất lượng khoáng sản, khả năng và phương pháp khai thác, chế biến khoáng sản; mức độ ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường sinh thái; so sánh với các mỏ khoáng tương tự đã và đang được thăm dò khai thác trong nước và khu vực.

Điều 14. Điều tra địa chất thủy văn - địa chất công trình (ĐCTV- ĐCCT) cần xác định sơ bộ các yếu tố sau đây:

1. Sự phân bố, điều kiện chứa nước và cách nước của các loại đất đá.
2. Đặc điểm khí tượng thủy văn, phân bố nước mặt và ảnh hưởng của chúng với điều kiện ĐCTV- ĐCCT.
3. Tính chất thủy lực, chiều sâu phân bố, mức độ chứa nước, tính thấm và động thái của nước dưới đất.

4. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước dưới đất và nước mặt.

5. Trạng thái, tính chất cơ lý của đất đá vây quanh các thân khoáng sản. Các đặc điểm địa động lực, các hiện tượng tại biên địa chất và mức độ ảnh hưởng của chúng đối với khai thác.

6. Dự kiến về các khả năng có thể ảnh hưởng đến môi trường, môi sinh và cảnh quan do khai thác khoáng sản.

Điều 15. Nhiệm vụ của công tác địa chất thuỷ văn - địa chất công trình (ĐCTV-ĐCCT).

1. Thu thập, nghiên cứu, xử lý và tổng hợp các tài liệu hiện có.

2. Lập sơ đồ ĐCTV-ĐCCT cùng tỷ lệ với bản đồ điều tra khoáng sản trên diện tích đánh giá các thân khoáng sản.

3. Hút nước thí nghiệm ở một số lỗ khoan và hố đào trong tầng chứa nước chủ yếu và trong thân khoáng sản theo quy phạm hút nước đã ban hành. Quan trắc ĐCTV trong tất cả các lỗ khoan và trong một số công trình khai đào.

4. Lấy và phân tích các loại mẫu nước mặt, nước dưới đất trong tầng chứa nước chủ yếu, trong thân khoáng sản và tầng đá vây quanh khoáng sản.

5. Lấy và phân tích mẫu cơ lý đất đá vây quanh và trong thân khoáng sản.

6. Đánh giá sơ bộ tác động của việc khai thác khoáng sản có liên quan đến cảnh quan môi trường, dân sinh và phát triển kinh tế của vùng.

Khối lượng công việc cụ thể phụ thuộc vào mức độ phức tạp về điều kiện ĐCTV-ĐCCT của diện tích đánh giá các thân khoáng sản.

Điều 16. Yêu cầu của công tác lập báo cáo.

1. Phải thể hiện và đáp ứng được các kết quả đã thực hiện theo các yêu cầu được quy định tại Điều 8, Điều 10 và Điều 12 của Quy chế này.

2. Đáp ứng các yêu cầu tại "Quy chế lập đề án, báo cáo điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản" ban hành kèm theo Quyết định số 12/1999/QĐ-BCN ngày 17-3-1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

3. Tăng cường ứng dụng tin học hoá trong công tác xử lý, tổng hợp, lập báo cáo tổng kết.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Đề án đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản phải do tập thể, đơn vị có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm về điều tra địa chất - khoáng sản

thực hiện. Đơn vị, tổ chức chuyên ngành quản lý trực tiếp đề án phải có đủ khả năng kiểm tra, chỉ đạo và đáp ứng được các điều kiện cần thiết theo quy định cho việc thực hiện đề án.

Điều 18. Khối lượng, phương pháp kỹ thuật của đề án phải được thực hiện theo trình tự, theo thiết kế trong đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các quy định kỹ thuật hiện hành. Các kết quả xử lý tài liệu địa hoá phải hoàn thành trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ khi lấy mẫu xong. Việc xử lý sơ bộ các tài liệu trắc địa, địa vật lý phải hoàn thành không muộn hơn 3 ngày sau khi đã đo xong tại thực địa. Các phân tích mẫu khoáng sản phải có kết quả không muộn hơn 60 ngày từ khi lấy mẫu xong.

Trong quá trình triển khai đề án, nếu có những vấn đề phát sinh không phù hợp với dự kiến ban đầu, chủ nhiệm đề án và đơn vị thực hiện đề án phải kịp thời lập tờ trình gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét và cho phép bằng văn bản để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

Bảng 1

Phân chia đối tượng khoáng sản

theo mức độ phức tạp về điều kiện địa chất, khoáng sản

TT	Mức độ phức tạp	Cấu trúc địa chất	Hình thái, đặc điểm phân bố các thân khoáng sản	Chất lượng và đặc điểm phân bố khoáng sản
1	Đơn giản	Đơn giản, phát triển chủ yếu các đá trầm tích không hoặc ít bị uốn nếp, phá huỷ kiến tạo	Thân khoáng sản có quy mô lớn, trung bình; hình thái đơn giản, ổn định hoặc tương đối ổn định theo đường phương, hướng cắm; có bề dày tương đối ổn định. Xuất lộ trên mặt hoặc phân bố nông.	Khoáng sản phân bố ổn định, có ranh giới rõ ràng, dễ nhận biết.
2	Trung bình	Các thể địa chất tương đối đồng nhất; cấu trúc địa	Các thân khoáng sản có kích thước trung bình, hình	Khoáng sản phân bố tương đối đồng đều, chỉ có 1-2 loại theo